TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lưu Văn Ninh và bà Phạm Thị Mơ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số ngày 21 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

- **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1999; nơi cư trú: thôn A H, xã T H, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị P; có chồng: Phạm Sỹ A và 01 con sinh ngày 10/6/2023; tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: không, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Lưu Thị T` - sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn A H, xã T H, huyện T L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị P - sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn H N, xã T H, huyện T L, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 09/6/2021 đến ngày 14/10/2022, chị Lưu Thị T đã nhiều lần vay tiền của Nguyễn Thị T. Hai bên không xác định về thời hạn trả tiền nợ gốc nhưng thoả thuận mức lãi suất là 3.000 đồng hoặc 3.500

đồng/01triệu/ 01ngày, thanh toán qua số tài khoản Ngân hàng 700018158005 mang tên Lưu Thị T mở tại Ngân hàng Shinhanbank và tài khoản Ngân hàng số 316704070001210 mang tên Nguyễn Thị T mở tại Ngân hàng HD Bank hoặc thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, cụ thể như sau:

Ngày 09/6/2021 Nguyễn Thị T cho chị Lưu Thị T vay số tiền 10.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán trả gốc, với lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày (900.000 đồng/ 01 tháng, tương đương 109,5%/năm, gấp 5,47 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự) và được trả lãi vào ngày 09 hàng tháng. Sau đó từ ngày 09/7/2021 đến ngày 02/10/2022, chị T đã 07 lần chuyển khoản cho T qua số tài khoản ngân hàng nêu trên và 09 lần trực tiếp trả bằng tiền mặt cho T mỗi tháng 900.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng chị T đã trả cho T số tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng là 14.400.000 đồng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi T được hưởng mức cao nhất của khoản cho vay là: 10.000.000 đồng x 30 ngày x 20% : 365 = 164.383 đồng/ tháng; tổng số tiền T được hưởng trong 16 tháng (từ 09/6/2021 đến 02/10/2022) là 164.383 đồng x 16 = 2.630.128 đồng. Như vậy T đã thu lợi bất chính số tiền là 14.400.000 đồng - 2.630.128 đồng = 11.769.872 đồng.

Đến ngày 04/9/2021, chị T tiếp tục vay của T số tiền 20.000.000 đồng, không thống nhất thời hạn thanh toán trả gốc, thoả thuận thanh toán lãi vào ngày mồng 04 hàng tháng, với mức lãi suất là 3.500 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày (2.100.000 đồng /01 tháng, tương đương 126,7%/ năm, gấp 6,33 lần mức lãi xuất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Do T trừ luôn tiền lãi tháng đầu tiên chị T phải trả nên số tiền thực tế chị T được nhận khi vay là 17.900.000 đồng. Sau đó, từ ngày 04/10/2021 đến ngày 14/10/2022 chị T đã 07 lần chuyển khoản cho T qua số tài khoản ngân hàng nêu trên và 05 lần trực tiếp trả tiền mặt cho T mỗi tháng 2.100.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng chị T đã trả cho T số tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng là 27.300.000 đồng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và cách tính lãi suất như trên thì số tiền lãi T được hưởng mức cao nhất của khoản cho vay này là: 20.000.000 đồng x 30 ngày x 20% : 365 = 328.767 đồng/ tháng; tổng số tiền T được hưởng trong 13 tháng (từ 04/10/2021 đến 14/10/2022) là 328.767 đồng x 13 = 4.273.971 đồng. Như vậy T đã thu lợi bất chính số tiền là 27.300.000 đồng - 4.273.971 đồng = 23.026.029 đồng

Tổng số tiền Nguyễn Thị T đã thu lời bất chính từ 02 khoản cho vay nêu trên là (11.769.872 đồng + 23.026.029 đồng) = 34.795.901 đồng; đến nay chị T chưa thanh toán cho T số tiền gốc của cả 02 khoản vay.

Ngoài ra, Nguyễn Thị T còn cho chị Lưu Thị T vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 26/8/2021 nhưng hai bên thoả thuận không tính lãi và thời hạn thanh toán trả gốc.

Ngày 01/12/2022, Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hà Nam đã tiếp nhận đơn tố giác của chị Lưu Thị T, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Nam đã

tiến xác minh và thu giữ vật chứng, tài sản. 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, lắp sim thuê bao 0339.822.562; 01 giấy vay tiền giữa Nguyễn Thị T với chị Lưu Thị T đề ngày 04/9/2021 do Nguyễn Thị T giao nộp; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno5, lắp sim thuê bao 0353.209.442 do mẹ đẻ của T là Nguyễn Thị P - sinh năm 1979, trú tại thôn H N, xã T H, huyện T L tự nguyện giao nộp; 01 bản sao kê tài khoản Ngân hàng số 700018158005 do chị Lưu Thị T tự nguyện giao nộp.

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno5, lắp sim thuê bao 0353.209.442 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị P không liên quan đến vụ án, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Thanh Liêm đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho P.

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKS-TA ngày 24/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Thị T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

**** Tại phiên tòa:***

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hoặc thay đổi gì. Sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201, các điểm i, n và s khoản 1 Điều 51, khoản 2, 3 Điều 35, Điều 36, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 01 ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: - Xử phạt Nguyễn Thị T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Hình phạt bổ sung: phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T nộp lại số tiền 6.904.099 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, buộc chị Lưu Thị T phải nộp lại số tiền gốc đã vay của T là 30.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải trả lại số tiền thu lời bất chính là 34.795.901 đồng để trả lại cho chị Lưu Thị T. Về xử lý vật chứng: 01 giấy cho vay tiền và tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng là vật chứng, tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo được lưu hồ sơ vụ án; trả lại cho Nguyễn Thị T chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, lắp sim thuê bao 0339.822.562.

- Bị cáo Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị T có ý kiến nhất trí với nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát và có ý kiến

hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa có tiền để nộp lại số tiền 30.000.000 đồng đã vay của T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/6/2021 đến ngày 14/10/2022, Nguyễn Thị T đã 02 lần cho chị Lưu Thị T vay với tổng số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng hoặc 3.500 đồng/ 01 triệu/ ngày (tương ứng với mức lãi suất 109,5% và 126,7% / năm, gấp 5,47 và 6,33 lần mức cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). T đã nhận của chị T tổng số tiền lãi là 41.700.000 đồng, trong đó mức lãi suất cao nhất mà T được hưởng (tương ứng với mức lãi xuất 20%/ năm) là 6.904.099 đồng. T thu lợi bất chính số tiền 34.795.901 đồng. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị T đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, hành vi này nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ kéo theo nhiều hệ lụy xấu cho xã hội, nên Hội đồng xét xử thấy cần ra bản án nghiêm khắc tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"; là "phụ nữ có thai và hiện tại đang nuôi con nhỏ"; đã "thành

khẩn khai báo" hành vi phạm tội của bản thân, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, n và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhất là đối với loại tội phạm này. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng:

- Lưu tại hồ sơ vụ án 01 giấy cho vay tiền và tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng.

- Trả lại cho Nguyễn Thị T chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, lắp sim thuê bao 0339.822.562.

[6] Về các vấn đề khác:

- Quá trình điều tra vụ án chị Lưu Thị T còn tố giác Nguyễn Thị P (mẹ đẻ của T) ngày 10/5/2019 đã cho chị T vay số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi xuất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. Đến ngày 26/5/2019, chị T tiếp tục vay của P số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 4.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. Chị T đã trực tiếp thanh toán tiền lãi hàng tháng cho P đến tháng 10/2022 thì không còn khả năng thanh toán.

Ngoài ra còn có chị Kiều Thị O - sinh năm 1990, trú tại thôn A H, xã T H, huyện T L cũng tố giác Nguyễn Thị P ngày 15/5/2022 đã cho chị O vay số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi xuất 5.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, khi đưa tiền cho chị O vay, P đã trừ tiền lãi tháng đầu tiên là 3.000.000 đồng và chỉ đưa cho chị O số tiền 17.000.000 đồng, sau đó trong tháng 6 và tháng 8/2022 chị O chuyển tổng số tiền 6.000.000 đồng trả lãi cho P thông qua tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thị T.

Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Hà Nam và Cơ quan CSĐT- Công an huyện Thanh Liêm đã tiến hành xác minh về 02 nội dung tố giác nêu trên, Nguyễn Thị P khai báo đã cho chị Lưu Thị T vay tổng số 30.000.000 đồng và cho chị Kiều Thị O vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 300.000 đồng/ 10 triệu/ 01 tháng. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ điều tra nhưng chưa đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của Nguyễn Thị P nên Cơ quan CSĐT- Công an huyện Thanh Liêm tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng Nguyễn Thị T cho chị Lưu Thị T vay để thu lời bất chính và số tiền lãi chị Lưu Thị T đã trả cho T tương ứng mức lãi

suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.904.099 đồng cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước; số tiền Nguyễn Thị T thu lợi bất chính là 34.795.901 đồng cần truy thu để trả lại cho chị Lưu Thị T.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, n và s khoản 1 Điều 51; Điều 36; khoản 2 Điều 35; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 của Bộ Luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Thanh Liêm nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thanh Hà trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: phạt Nguyễn Thị T 30.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của Nguyễn Thị Thanh số tiền 6.904.099 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Thị T phải trả lại cho chị Lưu Thị T số tiền 34.795.901 đồng.

- Buộc chị Lưu Thị T phải nộp lại số tiền gốc đã vay của Nguyễn Thị T là 30.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng:

- Lưu tại hồ sơ vụ án 01 giấy cho vay tiền và tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng.

- Trả lại cho Nguyễn Thị T chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax, lắp sim thuê bao 0339.822.562.

(chi tiết vật chứng như trong Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/8/2023 giữa Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Liêm với Chi cục THADS huyện Thanh Liêm).

3. Án phí: bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Công an huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Liêm;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Cảnh